TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HS-ST
Ngày 27-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tầu và ông Nguyễn Đình Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. KHUẤT HỒNG H, sinh năm 1981; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Th, xã L, huyện Th1, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Hồng M và bà Khuất Thị L1; có vợ là Nguyễn Thị D và 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2017/HSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình,

buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018, chưa được xóa án tích;

Đầu thú, tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 18/01/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. VŨ ĐỨC H1, sinh năm 1976; ĐKHKTT và nơi cư trú: Cụm X, xã Th2, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức H2 (đã chết) và bà Kiều Thị P1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ và 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2009/HSST ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2009, chưa được xóa án tích;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2011/HSST ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2012, chưa được xóa án tích;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2015/HSST ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/7/2018, chưa được xóa án tích;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 18/01/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3. TRẦN VĂN T, sinh năm 1987; ĐKHKTT và nơi cư trú: Cụm Y, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T1 và bà Hồ Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú, tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 19/01/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Y1, xã Đ1, huyện C, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Y1, xã Đ1, huyện C, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khuất Hồng H có quan hệ quen biết với Vũ Đức H1 và Trần Văn T. Trong thời gian quen nhau, T biết H vừa thi hành xong án phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, biết H có thể tiếp tục đi trộm cắp tài sản nên T dặn H khi nào đi trộm cắp được xe máy thì bán cho T, H đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 18/01/2019, H gọi điện thoại từ số 0974822394 đến số 0975973372 cho H1 hẹn đến đón H tại nhà ở thôn Th, xã L, huyện Th1, thành phố Hà Nội, H1 đồng ý. Sau khi rủ H1 đi trộm cắp tài sản, H gọi điện cho T nói: "Anh đi làm, có gì anh sẽ gọi". T hiểu ý H bảo đi trộm cắp tài sản, nếu lấy được xe sẽ gọi T mua nên T đồng ý.

H1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đỏ đen, BKS: 29E1-573.19 từ nhà H1 ở Cụm X, xã Th2, huyện P, thành phố Hà Nội đi đến nhà H. Trước khi đi, H1 chuẩn bị sẵn 01 bộ vam phá khóa gồm 03 mũi và 01 vam, dùng dây buộc lại rồi cất vào túi áo khoác bên phải H1 đang mặc. Tại nhà H, H1 đưa cho H 01 bộ vam phá khóa đã chuẩn bị từ trước. Cả hai cùng thỏa thuận nếu thấy có xe máy sơ hở thì H trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, còn H1 đứng ngoài cảnh giới.

Thực hiện ý định trên, H1 điều khiển xe máy Honda Airblade, sơn màu đỏ đen, BKS: 29E1-573.19 chở H ngồi sau đi lang thang xem có ai sơ hở gì về tài sản để trộm cắp. Khi đi đến trước cửa số nhà 1252, đường Quang Trung, thuộc Tổ 1, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, H phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α, BKS: 29X1-271.60 của anh Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Y1, xã Đ1, huyện C, thành phố Hà Nội không có người trông giữ, H bảo H1 đi xe đến gần. Khi cách chiếc xe trên khoảng 6 đến 7m thì H1 dừng xe, H xuống xe, đến gần chiếc xe máy, dùng vam phá khóa của chiếc xe, dắt lùi xe ra ngoài, ngồi lên xe, đề nổ máy, cất vam phá khóa vào cạp quần đang mặc thì bị anh T3 phát hiện, hô "cướp". H điều khiển chiếc xe Honda Wave α màu trắng BKS: 29X1-271.60 vừa trộm cắp được của anh T3; H1 điều khiển chiếc xe Honda Airblade, sơn màu đỏ đen, BKS: 29E1-573.19, cùng phóng xe bỏ chạy thì bị anh T3, anh Lê Đình S và anh Nguyễn Đình L2 đuổi theo. Khi đuổi đến khu vực xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì anh T3, anh S và anh L2 bắt giữ được H1 (lúc 15 giờ 20 phút cùng ngày) và đưa đến Công an phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông bàn giao, thu giữ của H1: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đỏ đen, BKS: 29E1-573.19; số khung: 483762, số máy: 5157688 và 01 Chứng nhận Đăng ký xe môtô, xe máy số 095046 đứng tên chủ xe là Nguyễn Đức Thành.

H tiếp tục bỏ chạy đến thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng thì gọi điện thoại từ số

0974822394 của H đến số 0984489962 cho T, hỏi T có mua xe không, T trả giá 3.000.000 đồng. H đồng ý và hẹn gặp tại ngã tư Xuân Phú, đê Quốc Gia - Phụng Thượng, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội để giao dịch. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển chiếc xe Honda Wave α BKS: 29X1-271.60 đến gặp T và bán chiếc xe trên cho T lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi bán xe cho T, H đi xe taxi về nhà, còn T đi chiếc xe máy trên về nhà. Khi đi đến điểm giữa điểm canh đê số 8 và số 9 của tuyến đê Cẩm Đình - Hiệp Thuận, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thì T tháo biển kiểm soát 29X1-271.60 của xe, vứt tại đường và đi xe về nhà. Sau khi mang xe về nhà, T mượn máy mài của anh Trần Anh C1, là em trai của T mài bỏ toàn bộ số khung, mua ổ khóa (tại cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị V1 ở Cụm Z, xã V, huyện P) thay ổ khóa của chiếc xe trên nhằm mục đích tránh bị phát hiện về nguồn gốc xe.

Cùng ngày 18/01/2019, Khuất Hồng H đến Công an phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông xin đầu thú, khai nhận hành vi vi phạm của bản thân và giao nộp: 01 bộ vam phá khóa bằng kim loại gồm 03 mũi và 01 vam, đều có đầu bẹt, 03 mũi gồm 02 mũi ngắn và 01 mũi dài là công cụ sử dụng để trộm cắp tài sản; và số tiền 3.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền bán chiếc xe Honda Wave α BKS: 29X1-271.60 đã trộm cắp được của anh Nguyễn Mạnh T3 mà có.

Ngày 19/01/2019, Trần Văn T đến Công an quận Hà Đông xin đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 20/01/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T ở Cụm Y, thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Quá trình khám xét, không thu giữ gì.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hà Đông, kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu sơn trắng, BKS: 29X1-271.60, SK: HHC121DY079307, SM: HC12E5079377, đã qua sử dụng, không thu được tang vật, có giá trị tại thời điểm định giá là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với chiếc biển kiểm soát 29X1-271.60, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại Cơ quan điều tra, Khuất Hồng H, Vũ Đức H1 và Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 87/CT-VKS-HĐ ngày 04/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản như sau:

- Bị cáo Khuất Hồng H và Vũ Đức H1 bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173

của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Trần Văn T bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa các bị cáo khai báo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu khác, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố. Hành vi của các bị cáo cần xử lý nghiêm. Bị cáo H và H1 cần áp dụng mức hình phạt cao nhất trong vụ án mới tương xứng với tính chất hành vi và nhân thân của các bị cáo. Bị cáo T hứa hẹn với H mua tài sản H trộm cắp được, bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có thể áp dụng mức hình phạt thấp hơn H và H1. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo H và T đầu thú được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Khuất Hồng H từ 27 đến 30 tháng tù;

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vũ Đức H1 từ 27 đến 30 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả số tiền 3.000.000 đồng cho anh T3; buộc H và H1 liên đới bồi thường cho anh T3 5.500.000 đồng, phần trách nhiệm của mỗi bị cáo là 2.750.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy chiếc vam phá khóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Khuất Hồng H quen biết Vũ Đức H1 và Trần Văn T. T dặn H khi nào đi trộm cắp được xe máy thì bán cho T, H đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 18/01/2019, H gọi điện thoại cho H1 hẹn đến đón H để cùng đi trộm cắp tài sản. Sau đó H gọi điện cho T nói: "Anh đi làm, có gì anh sẽ gọi". T hiểu ý H bảo đi trộm cắp tài sản, nếu lấy được xe sẽ gọi T mua nên T đồng ý.

H1 cho 01 bộ vam phá khóa gồm 03 mũi và 01 vam vào túi áo khoác bên phải, điều khiển xe máy đến nhà H. H1 đưa cho H bộ vam phá khóa. Cả hai thống nhất đi lang thang xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản, nếu thấy có xe máy thì H trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, H1 cảnh giới. H1 điều khiển xe máy chở H ngồi sau, khi đến trước cửa số nhà 1252, đường Quang Trung, thuộc Tổ 1, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, H phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng, BKS: 29X1-271.60 trị giá 8.500.000 đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị H3 và anh Nguyễn Mạnh T3 không có người trông giữ, H bảo H1 đến gần, khi cách chiếc xe trên khoảng 6 đến 7m thì H1 dừng xe, H xuống xe, dùng vam phá khóa chiếc xe, ngồi lên xe nổ máy thì bị anh T3 phát hiện, hô "cướp" nhưng H vẫn điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được bỏ chạy; H1 cũng điều khiển xe máy bỏ chạy. Anh T3 và hai người nữa đuổi theo bắt giữ được H1.

H bỏ chạy đến thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng thì gọi điện thoại cho T để bán xe. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe đến ngã tư Xuân Phú, đê Quốc Gia - Phụng Thượng, thuộc địa phận xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội để gặp T và bán chiếc xe trên cho T lấy số tiền 3.000.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe của chị H3 và anh T3.

Hành vi của bị cáo H và H1 là lén lút chiếm đoạt tài sản, H là người thực hiện

hành vi phá khóa để lấy xe, H1 điều khiển xe máy chở H đi trộm cắp và cảnh giới cho H lấy tài sản. Trước khi H đi trộm cắp, H và T đã thống nhất với nhau việc H sẽ bán tài sản trộm cắp cho T. Do đó hành vi của H, H1 và T thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. H, H1 và T đồng phạm, cùng phải chịu trách nhiệm về việc trộm cắp chiếc xe máy. Căn cứ giá trị tài sản chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Xem xét về nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Trần Văn T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

- Bị cáo Khuất Hồng H: Bị cáo đã 02 lần bị kết án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2017/HSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình, hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù. Bản án xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018.

Áp dụng các điều 70 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thời gian xóa án tích là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, do đó tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo chưa được xóa án tích đối với 02 bản án, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

- Bị cáo Vũ Đức H1: Bị cáo đã 03 lần bị kết án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2009/HSST ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2009;

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2011/HSST ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bản án xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2012;

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2015/HSST ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (tình tiết định khung tái phạm

nguy hiểm). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/7/2018.

Áp dụng các điều 70 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thời gian xóa án tích là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, do đó tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo chưa được xóa án tích đối với 03 bản án, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo Khuất Hồng H và Vũ Đức H1 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, thỏa mãn tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố H và H1 theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Cá thể hóa trách nhiệm hình sự trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ phạm tội và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ban ngày, ngay trên đường phố, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, cần xử lý nghiêm.

Đối với bị cáo H và H1: H rủ H1 cùng đi trộm cắp tài sản, H1 chuẩn bị công cụ phạm tội và điều khiển xe máy chở H; H trực tiếp phá khóa xe và điều khiển chiếc xe trộm cắp được bỏ chạy; khi H phá khóa xe thì H1 đứng cảnh giới. Xác định vai trò của H và H1 ngang nhau. Khi bị truy đuổi, H và H1 điều khiển xe bỏ chạy, thể hiện ý thức cố tình thực hiện tội phạm đến cùng nên H và H1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng" quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo H đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. H có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn H1 nhưng H là người rủ rê H1 đi trộm cắp nên cần áp dụng mức hình phạt đối với H và H1 bằng nhau. Cả H và H1 đều có nhiều tiền án, H1 có nhiều tiền án hơn H, cả 03 tiền án của H1 đều về tội Trộm cắp tài sản thể hiện các bị cáo có nhân thân rất xấu, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo nói riêng, răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo T: Theo tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo đã bị Công an quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội lấy lời khai do có liên quan đến hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, bị cáo chưa bị xử lý, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú, thành khẩn khai báo nên được áp dụng

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Giá trị tài sản trộm cắp không lớn; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có thể xử dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 04 tháng 08 ngày, nhận thức được hành vi và lỗi của mình nên có thể xử phạt bị cáo bằng thời hạn đã tạm giữ, tạm giam cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo nói riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H3 và anh T3 chiếc xe máy theo giá trị tài sản đã định giá là 8.500.000 đồng. Đối với số tiền 3.000.000 đồng bị cáo H tự nguyện giao nộp là tiền T trả H khi mua chiếc xe, xác định là tiền của T nên chuyển bồi thường cho bị hại. Bị cáo H và H1 phải bồi thường số tiền còn lại là 5.500.000 đồng, phần bồi thường của hai bị cáo bằng nhau, mỗi bị cáo 2.750.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của Khất Hồng H 01 bộ vam phá khóa bằng kim loại gồm 01 vam và 03 mũi, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đỏ đen, số khung: 483762, số máy: 5157688, BKS: 29E1-573.19, là phương tiện H và H1 đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe trên là tài sản của anh Hoàng Anh T4, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C2, xã C3, huyện B1, thành phố Hà Nội, bị mất trộm vào ngày 02/10/2018 tại xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và đã có đơn trình báo đến cơ quan công an. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông đã chuyển toàn bộ tài liệu và vật chứng là chiếc xe máy trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng, không có biển kiểm soát, số khung đã bị mài, số máy HC12E-5222164 do chị Nguyễn Thị Ngọc A (vợ T) tự nguyện giao nộp. Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe trên là tài sản của anh Phùng Văn Đ2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B2, xã A1, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc, bị mất trộm cuối năm 2018 tại xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông đã chuyển chiếc xe máy trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sơn Tây để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

Các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Khuất Hồng H, Vũ Đức H1 và Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Khuất Hồng H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vũ Đức H1 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2019. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Khuất Hồng H, Vũ Đức H1 và Trần Văn T phải liên đới bồi thường cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H3 và anh Nguyễn Mạnh T3 chiếc xe máy theo giá trị tài sản đã định giá là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo như sau:

- Bị cáo Khuất Hồng H: 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Bị cáo Vũ Đức H1: 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Bị cáo Trần Văn T: 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng bị cáo Khuất Hồng H tự nguyện giao nộp để bảo đảm trách nhiệm bồi thường của bị cáo Trần Văn T đối với vợ chồng chị Nguyễn Thị H3 và anh Nguyễn Mạnh T3. Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tài khoản số 3949.0.1052739 tại Kho bạc Nhà nước quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 16/5/2019, người nộp tiền Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, KBNN ghi sổ ngày 16/5/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) vam phá khóa (bằng kim loại đã qua sử dụng);

+ 03 (ba) mũi bẹt (bằng kim loại đã qua sử dụng).

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2019 giữa Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Khuất Hồng H, Vũ Đức H1 và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/5/2019.

Nơi nhận:
- Công an quận Hà Đông;
- VKSND quận Hà Đông;
- Cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ánh